

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN TỊNH**

Số: 205/BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sơn Tịnh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 09 tháng năm 2025

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, UBND xã Sơn Tịnh công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương 9 tháng năm 2025, như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 13.696 triệu đồng, đạt 421% so với dự toán năm 2025.

2. Thu ngân sách xã hưởng: 2.851 triệu đồng

Trong đó: - Ngân sách xã hưởng 100%: 1.892 triệu đồng

- Ngân sách xã hưởng theo tỷ lệ %: 959 triệu đồng

(Chi tiết có Biểu số 113, 114/CK TC-NSNN)

3. Tổng chi ngân sách địa phương: 96.771 triệu đồng, đạt 68,4% so với dự toán năm 2025.

Trong đó: - Chi đầu tư phát triển: 798 triệu đồng

- Chi thường xuyên: 95.973 triệu đồng

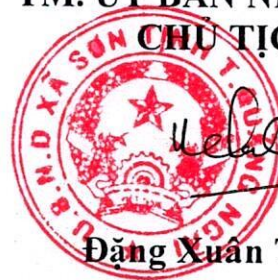
(Chi tiết có biểu số 115/CK TC-NSNN)

Trên đây là báo cáo về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 09 tháng năm 2025./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- PCVP HĐND và UBND xã;
- BBT Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Trung

UBND XÃ SƠN TỊNH

Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 09 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 205/BC-UBND ngày 15/10/2025 của UBND xã Sơn Tịnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN 09 THÁNG	SO SÁNH
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>
	TỔNG SỐ THU	140.316	150.530	107%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	891	1.892	212%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	337	959	284%
3	Thu bổ sung	139.088	147.679	106%
	- Thu bổ sung cân đối	23.317	17.485	75%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	115.771	130.194	112%
	TỔNG SỐ CHI	125.649	96.771	77%
1	Chi đầu tư phát triển		798	
2	Chi thường xuyên	125.084	95.973	77%
3	Dự phòng	565		0%

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số 205/BC-UBND ngày 15/10/2025 của UBND xã Sơn Tinh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Ước thực hiện 09 tháng		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	I	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	142.340	140.316	161.375	150.530	113%	107%
I	Các khoản thu 100%	891	891	6.019	1.892	676%	212%
	Lệ phí trước bạ	280	280	1.955	420	698%	150%
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20	20	13	13	63%	63%
	Phí và lệ phí xã	165	165	257	175	156%	106%
	Lệ phí môn bài từ hộ kinh doanh	96	96	186	116	194%	121%
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản, của ngân sách xã	140	140	123	123	88%	88%
	Thu phạt ATGT + viện trợ + thanh lý	70	70	263	23	375%	32%
	Thu khác NS	120	120	3.223	1.023	2686%	852%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	2.361	337	7.677	959	325%	284%
	Thuế giá trị gia tăng	1.063	330	2.777	320	261%	97%
	Thuế thu nhập cá nhân	1.281		3.619	0	282%	
	Thuế tài nguyên	14	7	1.276	638	9116%	9116%
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	3	1	5	1	150%	150%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	139.088	139.088	147.679	147.679	106%	106%
	Thu bổ sung cân đối	23.317	23.317	17.485	17.485	75%	75%
	Thu bổ sung có mục tiêu	115.771	115.771	130.194	130.194	112%	112%

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 205/BC-UBND ngày 15/10/2025 của UBND xã Sơn Tịnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán			Ước thực hiện 09 tháng			So sánh		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	140.316		140.316	96.771	798	95.973	68,97%		68,40%
1	Chi quốc phòng	954		954	852		852	89,31%		89,31%
2	Chi an ninh	317		317	975		975	307,55%		307,55%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	86.699		86.699	53.535		53.535	61,75%		61,75%
4	Chi sự nghiệp y tế, Dân số và KHH gia đình	100		100	0			0,00%		0,00%
5	Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin	544		544	289	144	145	53,04%		26,63%
6	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	143		143	65		65	45,41%		45,41%
7	Chi sự nghiệp Thể dục - thể thao	136		136	57		57	42,13%		42,13%
8	Chi lương hưu và đảm bảo xã hội	17.436		17.436	9.222		9.222	52,89%		52,89%
9	Chi sự nghiệp kinh tế	13.089		13.089	3.130	654	2.476	23,91%		18,91%
10	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	214		214	92		92	43,00%		43,00%
11	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	19.993		19.993	27.760		27.760	138,85%		138,85%
12	Chi khác ngân sách	126		126	794		794	630,48%		630,48%
13	Dự phòng ngân sách	565		565	0			0,00%		0,00%